



CHƯƠNG 2

HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG

Cung cấp

- Lý luận về giá trị lao động thông qua: Hàng hóa, tiền tệ, giá cả, quy luật giá trị, tính hai mặt của lao động SX hàng hóa, năng suất lao động...
- Thấy được các mối quan hệ KT trong nền KTTT, góp phần vận dụng phù hợp yêu cầu khách quan của công dân khi tham gia các hoạt động KT- XH

CONTENT

2.1. Điều kiện ra đời của SX hàng hóa

2.2. Hàng hóa

2.3. Tiền tệ

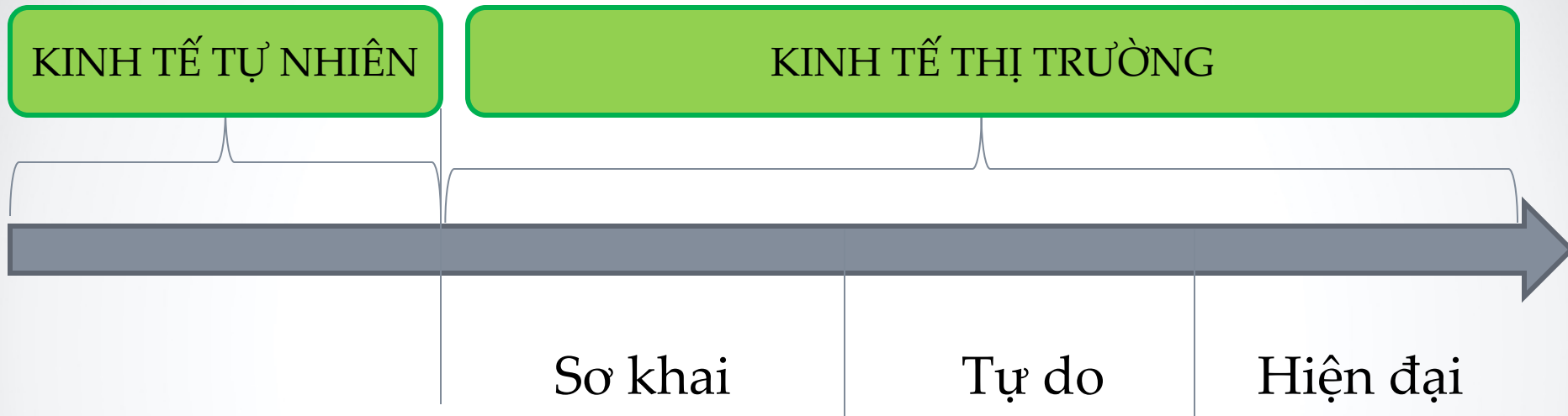
2.4. Thị trường

2.5. Các chủ thể tham gia thị trường

2.6. Chu kỳ kinh tế trong nền KTTT

2.7 Những khuyết tật của KTTT

2.1 Điều kiện ra đời của SXHH



Kinh tế thị trường sơ khai hiện nay còn tồn tại không?

Kinh tế thị trường Việt Nam đang ở trong giai đoạn nào?

Điều kiện ra đời của SX hàng hóa

Sản xuất hàng hóa
và sản xuất ra sản
phẩm để trao đổi,
mua bán

**HAI ĐIỀU KIỆN RA ĐỜI
CỦA KINH TẾ HÀNG
HÓA**

Phân công lao
động xã hội

Tính chất tư
nhân của sản
xuất

Tại sao phân công lao động xã hội và tính chất tư nhân của sản xuất là điều kiện cần và đủ cho nền SXHH phát triển?

Phân công
lao động xã
hội là gì?



Sự phân chia lao động của
XH vào các ngành, các lĩnh
vực sản xuất khác nhau

Tại sao nói phân công lao động xã hội biểu hiện
sự phát triển của lực lượng sản xuất?

Phân công lao động xã hội thúc đẩy sự hình
thành nền sản xuất hàng hóa như nào?



Tính chất tư
nhân của sản
xuất là gì?



Người sản xuất có tư
cách pháp nhân để
quyết định sản xuất
cái gì? Sản nhất như
thế nào? Bán cho ai?

Tại sao tính chất tư nhân của sản xuất là
điều kiện đủ của sản xuất hàng hóa?

Tại sao sản xuất hàng hóa là một phạm trù
lịch sử?

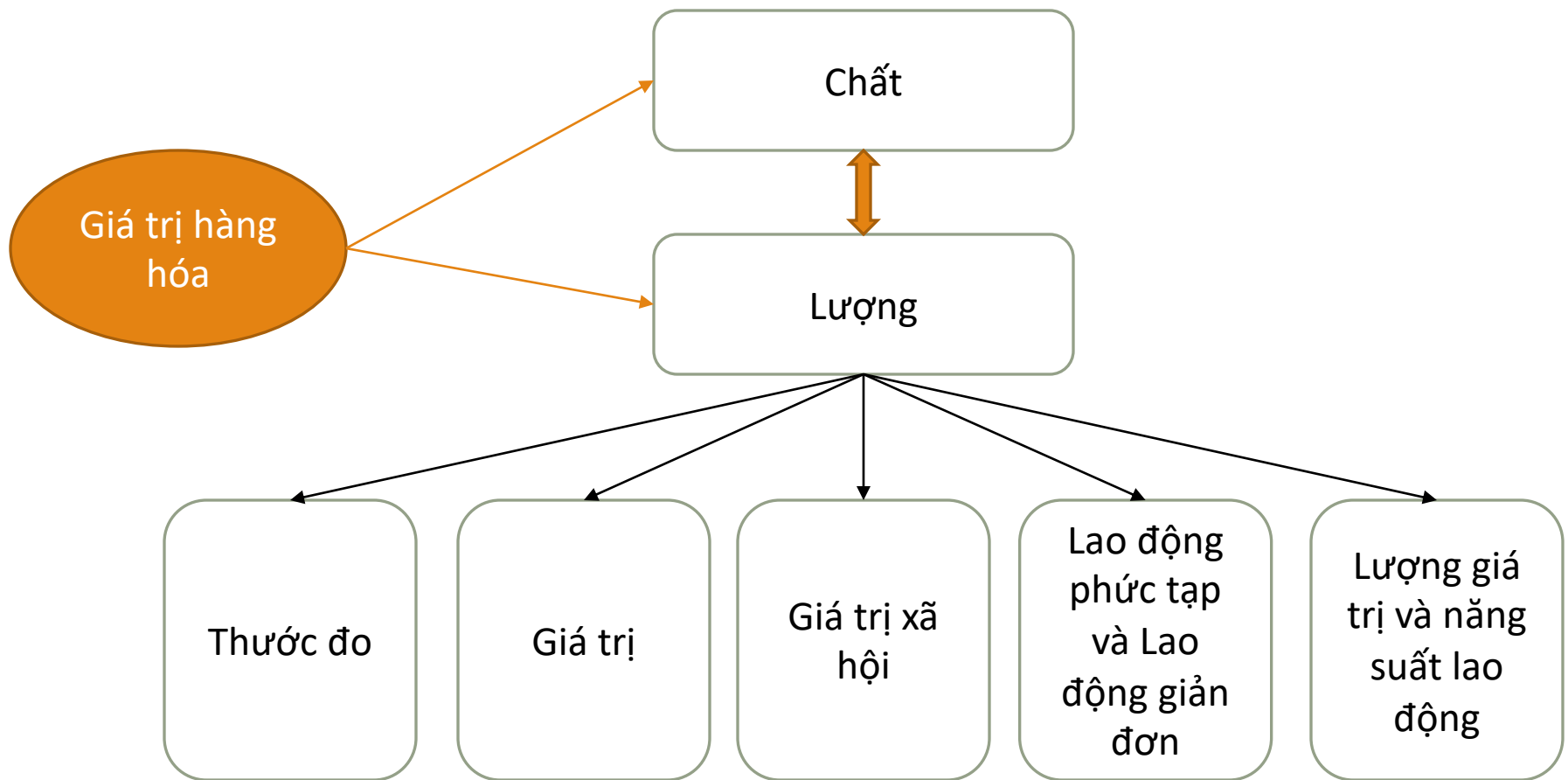
2.2. HÀNG HÓA

2.2.1 Khái niệm Hàng hóa

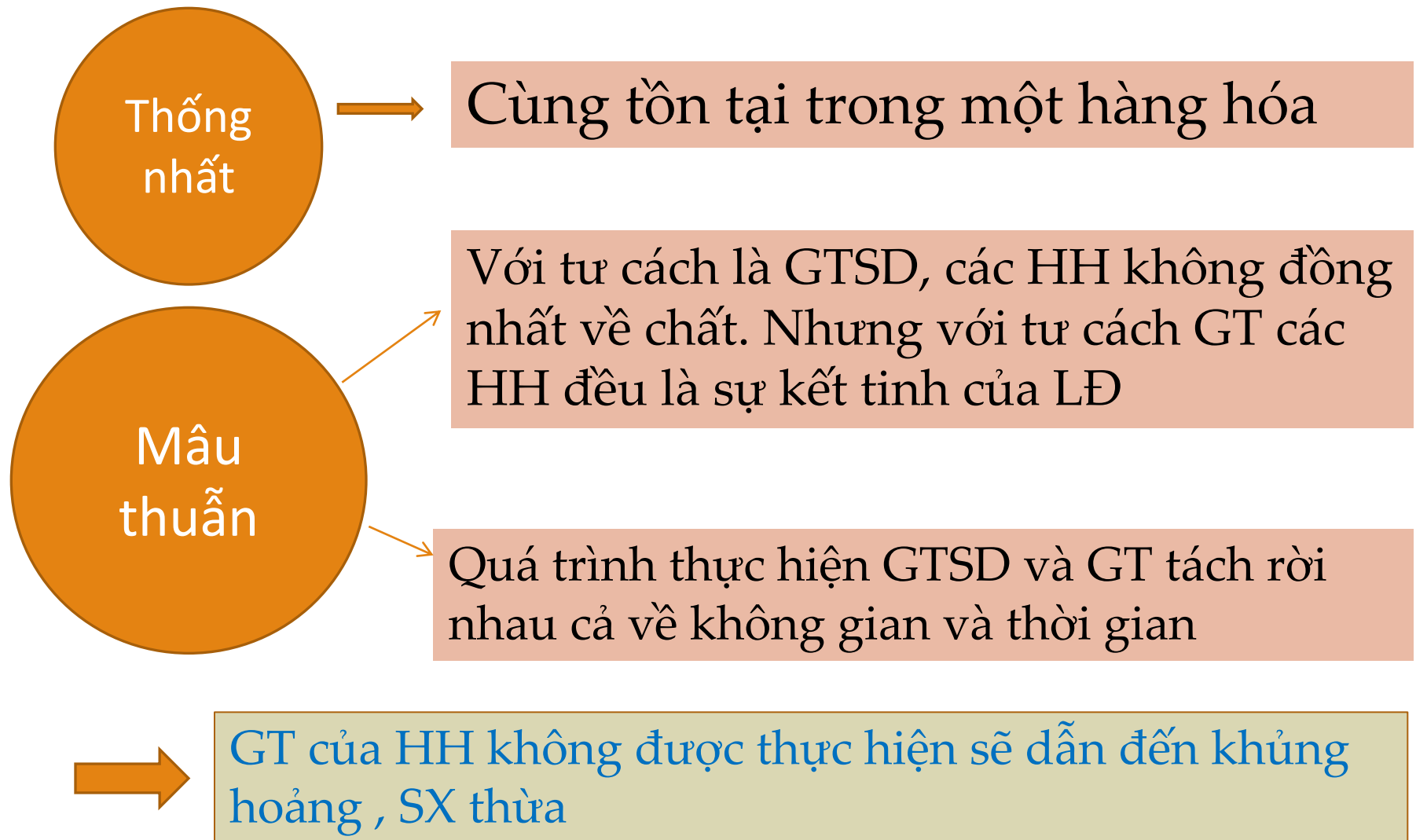


2.2.2 Thuộc tính hàng hóa

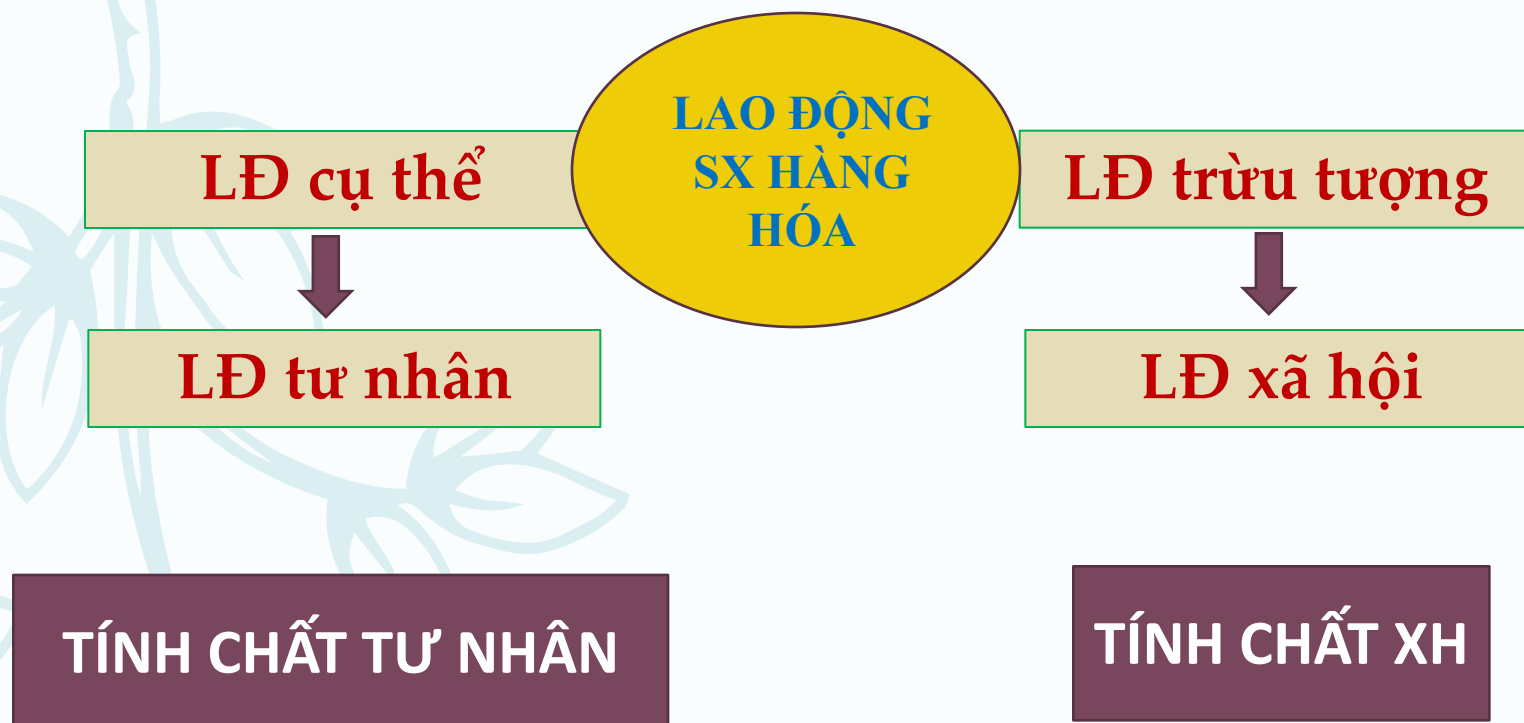




Mối quan hệ giữ hai thuộc tính của hàng hóa



2.2.3. Tính hai mặt của SXHH



Mâu thuẫn của nền SXHH xuất hiện khi nào?

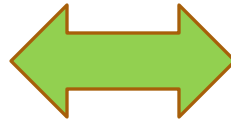
Mâu thuẫn của nền SXHH ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển của nền kinh tế?

2.2.4. Lượng giá trị hàng hóa

*Lượng giá
trị của HH*

*Lượng lao động đã tiêu hao để tạo ra hàng
hóa (thời gian lao động cần thiết để SX ra
HH)*

Thời gian lao
động xã hội



Thời gian lao
động cá biệt

Lượng giá trị được
tính trên thời gian
lao động nào? Vì
sao?



**Thời gian lao
động Xã hội
cần thiết**



Là thời gian lao động để SX HH trong điều kiện SX trung bình (thông thường tgian LĐXH cần thiết sát với thời gian LĐ cá biệt của người SX ra đại bộ phận HH trên thị trường)

Trình độ
thành thạo
trung bình

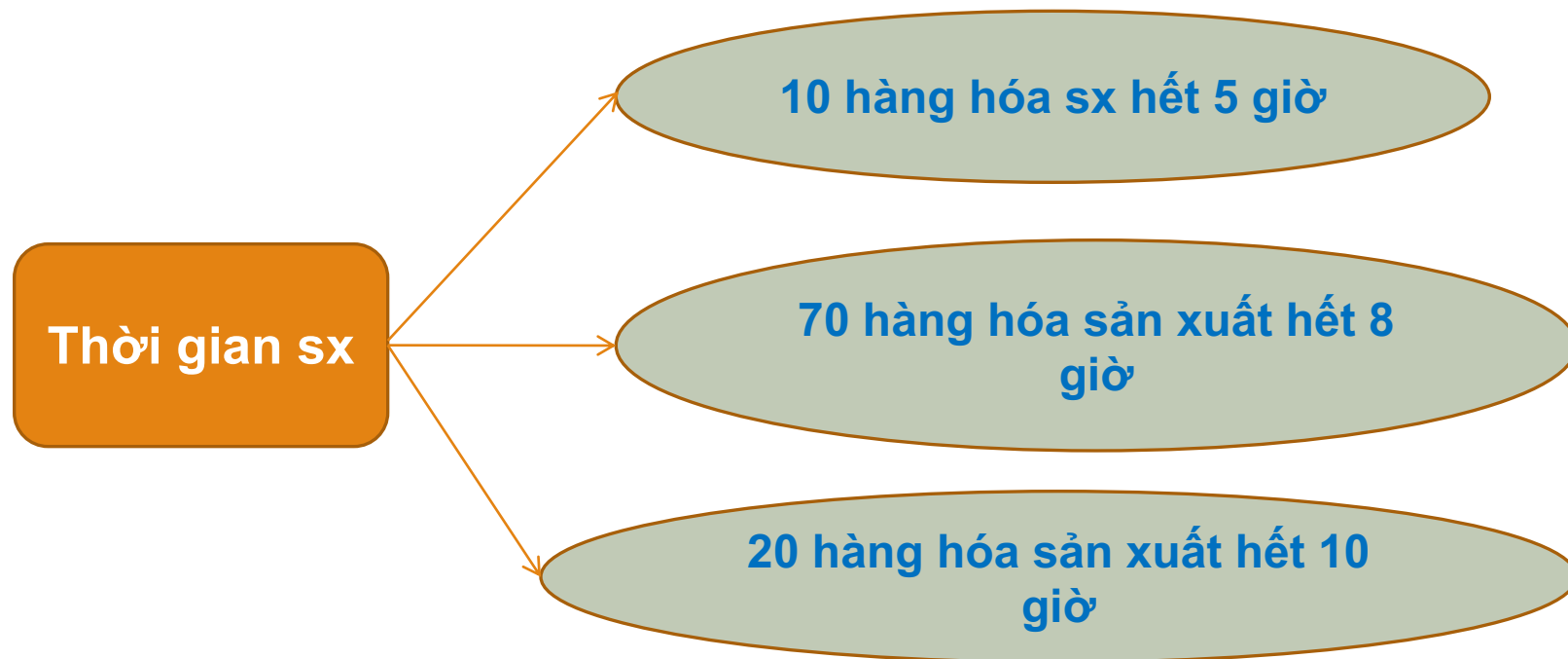
Trình độ
trang thiết bị
trung bình

Cường độ lao
động trung
bình

Lượng giá trị hàng hóa thay đổi như nào khi thời gian lao động xã hội để sản xuất hàng hóa tăng hoặc giảm?

Ví dụ

100 hàng hóa, trong đó



Thời gian lao động xã hội cần thiết là bao nhiêu?

Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa

Năng suất
lao động

Trình độ khéo léo
trung bình

Mức độ PT Khoa học
và quy trình công nghệ

Sự kết hợp XH của
quá trình SX

Quy mô và hiệu xuất
của tư liệu SX

Năng suất lao
động ảnh hưởng
như nào đến
lượng giá trị hàng
hóa?

Lượng giá trị hàng hóa
có bị ảnh hưởng bởi
cường độ lao động hay
không? Vì sao?

Các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa

Tính chất phức tạp hay đơn giản của lao động

Lao động giản đơn

Lao động phức tạp

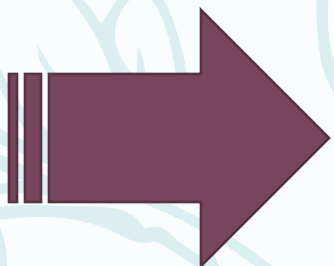
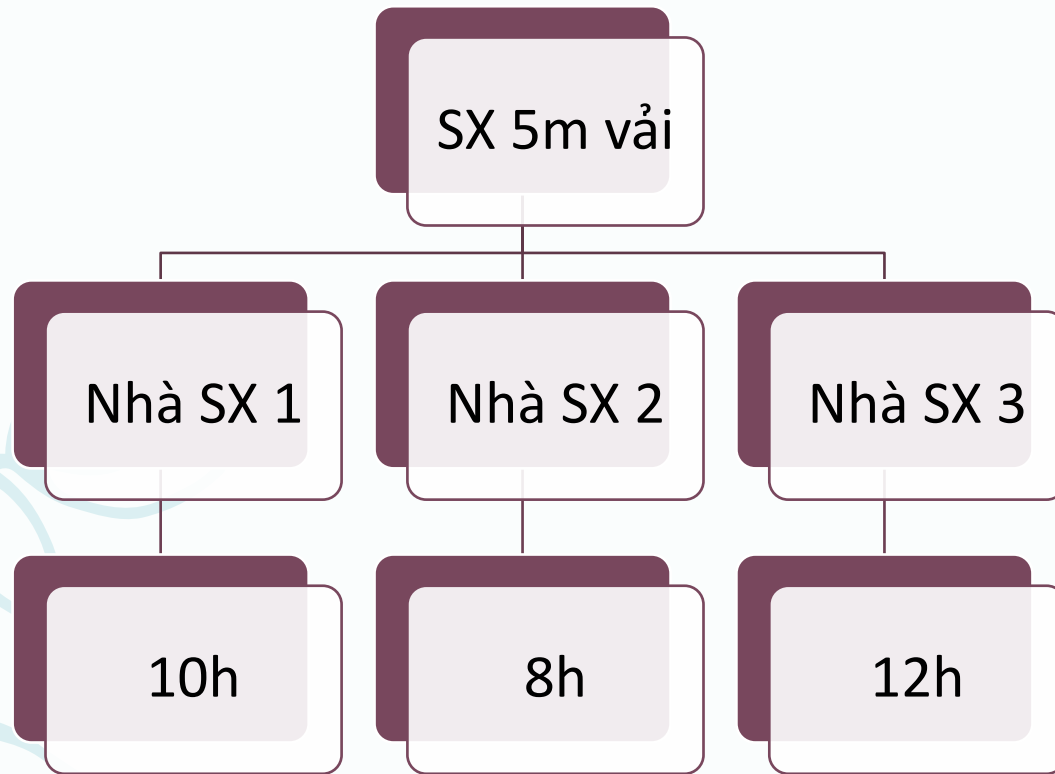
Làm sao để quy đổi được lao động phức tạp về lao động giản đơn?

LĐ phức tạp chỉ là LĐ giản đơn được nâng lên lũy thừa => Là LĐ giản đơn được nhân lên

Lượng giá trị hàng hóa là do thời gian lao động xã hội cần thiết, giản đơn để sản xuất ra hàng hóa đó quyết định

2.2.5. Quy luật giá trị

VÍ DỤ



Nhà sản xuất nào có lãi? Vì sao?

Giải thích

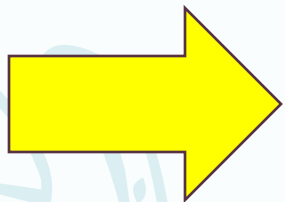


```
graph TD; A((Giải thích)) --> B[Người SX 1  
Thời gian LĐ cá  
biệt bằng thời  
gian LĐ xã hội.  
Vì vậy có lãi  
trung bình]; A --> C[Người SX 2  
Thời gian LĐ cá  
biệt nhỏ hơn  
thời gian LĐ xã  
hội. Vì vậy có  
lãi cao]; A --> D[Người SX 3  
Thời gian LĐ cá  
biệt lớn hơn  
thời gian LĐ xã  
hội. Vì vậy sẽ  
bị lỗ];
```

Người SX 1
Thời gian LĐ cá
biệt bằng thời
gian LĐ xã hội.
Vì vậy có lãi
trung bình

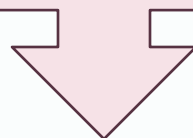
Người SX 2
Thời gian LĐ cá
biệt nhỏ hơn
thời gian LĐ xã
hội. Vì vậy có
lãi cao

Người SX 3
Thời gian LĐ cá
biệt lớn hơn
thời gian LĐ xã
hội. Vì vậy sẽ
bị lỗ

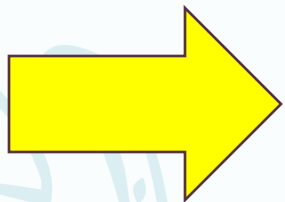


NỘI DUNG CỦA QUY LUẬT GIÁ TRỊ

Việc sx và trao đổi hàng hóa phải được tiến hành trên cơ sở hao phí LĐ xã hội cần thiết



Người SX phải đảm bảo sao cho thời gian lao động cá biệt để sx ra từng hàng hóa phải phù hợp với thời gian LĐ xã hội cần thiết để SX ra hàng hóa đó



TÁC ĐỘNG CỦA QUY LUẬT GIÁ TRỊ

Quy luật
giá trị có
3 tác
động

Điều tiết SX và lưu thông hàng
hóa

Kích thích cải tiến kỹ thuật, hợp
lý hóa sản xuất nhằm tăng năng
suất lao động

Phân hóa những người sản
xuất thành những người giàu,
người nghèo một cách tự nhiên

Điều tiết SX và lưu thông hàng hóa

Điều tiết sản xuất:

Phân phối lại các yếu tố tư liệu sản xuất và sức lao động từ ngành sx này sang ngành sx khác

Thông qua sự biến động về giá cả trên thị trường

Điều tiết lưu thông:

Phân phối lại nguồn hàng từ nơi này sang nơi khác, mặt hàng này sang mặt hàng khác theo hướng từ nơi không có hoặc lãi ít sang nơi lãi cao

Điều tiết SX và lưu thông hàng hóa có mặt tích cực và tiêu cực gì?

Kích thích cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất nhằm tăng năng suất lao động

Sản xuất trong điều kiện khác nhau

HÀNG HÓA

Giá trị cá biệt khác nhau

Mua bán

Giá trị xã hội

Trao đổi

Người SX luôn phải tìm cách làm cho giá trị cá biệt hàng hóa của mình nhỏ hơn hoặc bằng giá trị XH.
Muốn vậy, họ phải làm gì?

Phân hóa giàu nghèo giữa những người sản xuất hàng hóa

Quy luật giá trị

Người SX

- Điều kiện thuận lợi
- Khả năng đổi mới KT-CN
- Hợp lý hóa SX
- Tính năng động
- Khả năng nắm bắt quan hệ cung – cầu

Giàu

- Ít điều kiện
- Không đổi mới KHKT
- SX bất hợp lý
- Kém năng động
- Không bắt kịp quan hệ cung – cầu

Nghèo

2.1.4. Dịch vụ và một số hàng hóa đặc biệt

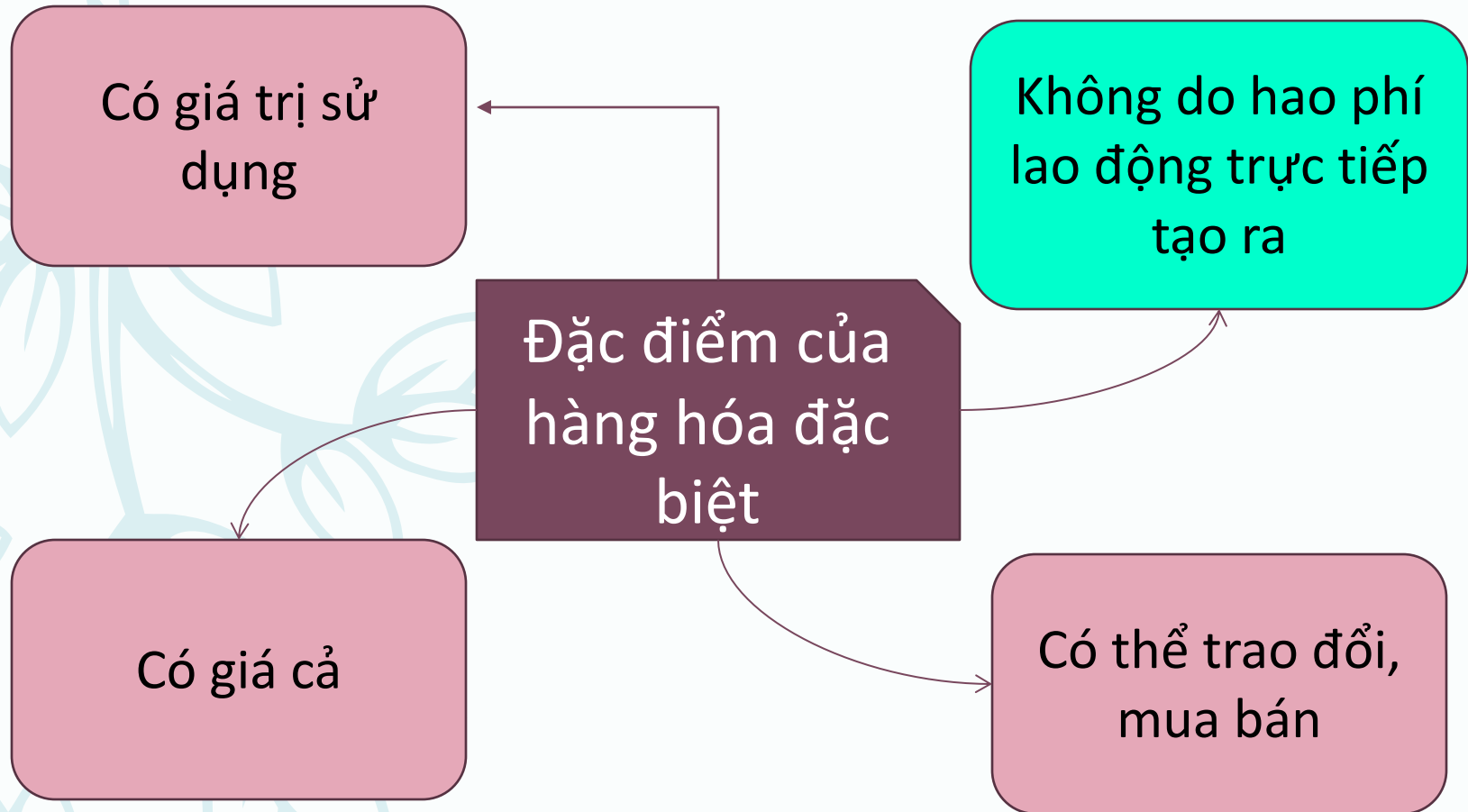
2.1.4.1. Dịch vụ:

Dịch vụ có phải là hàng hóa không? Tại sao?



Dịch vụ khác với hàng hóa thông thường ở điểm nào?

2.1.6. Một số hàng hóa đặc biệt



Quan hệ trao đổi trong trường hợp một số yếu tố khác hàng hóa thông thường

Quyền sd đất đai

- Quyền sd đất không do hao phí lđ tạo ra
- Giá cả phụ thuộc và nhiều yếu tố: giá trị của tiền, quan hệ cung cầu, đầu cơ, sự khan hiếm, tốc độ đô thị hóa...

Trao đổi thương hiệu

- Là kết quả của nỗ lực hao phí sức lao động của người nắm giữ thương hiệu.
- Giải thích hiện tượng chuyển nhượng cầu thủ?

Mua bán chứng khoán, chứng quyền, giấy tờ có giá

- Thực chất là tư bản giả (là tư bản không tham gia sản xuất và trao đổi hàng hóa thực)
- Thực chất của việc số tiền tang sau mỗi lần giao dịch là gì?

2.3. TIỀN TỆ

2.3.1. Nguồn gốc, bản chất của tiền tệ

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC HÌNH THÁI CỦA GIÁ TRỊ

Các hình thái giá trị

1. Hình thái giản đơn (Trao đổi trực tiếp hàng lấy hàng)

Tương đối

10kg thóc

=

Ngang giá

2m vải

2. Hình thái đầy đủ (mở rộng, một HH có thể trao đổi với nhiều HH khác)

10kg thóc

=

2m vải, 1 cái áo hoặc 20kg thóc, hoặc 5 đấu chè, hoặc 0.2gram vàng....

2.3. TIỀN TỆ

2.3.1. Nguồn gốc, bản chất của tiền tệ

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC HÌNH THÁI CỦA GIÁ TRỊ

Các hình thái
giá trị

Tương đối

Ngang giá

3. Hình thái GT
chung
(có một HH tách
ra làm vật ngang
giá)

1 cái áo

=

15 đấu thóc

=

5 đấu chè

=

0.2gram vàng

=

10m vải

2.3. TIỀN TỆ

2.3.1. Nguồn gốc, bản chất của tiền tệ

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC HÌNH THÁI CỦA GIÁ TRỊ

Các hình thái
giá trị

Tương đối

Ngang giá

10 cái áo

=

100 đấu thóc

=

50 đấu chè

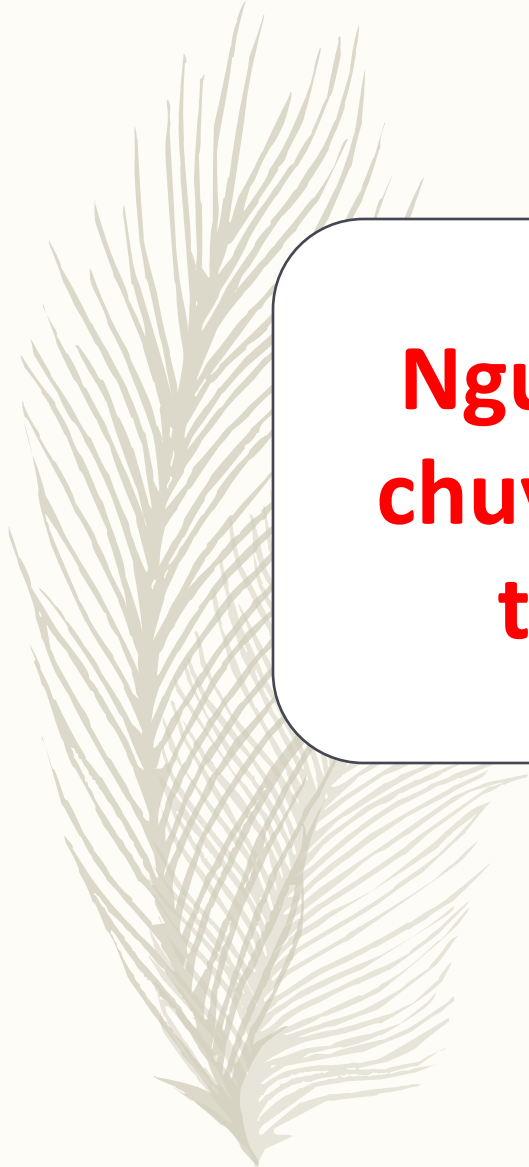
=

20m vải

=

0,2 gram vàng

4. Hình thái tiền



**Nguyên nhân nào dẫn đến sự
chuyển đổi các hình thái giá trị
từ đơn giản đến tiền tệ?**

**(4) Hình thái tiền tệ: vàng được chọn là vật
ngang giá chung thống nhất
Tại sao vàng lại có vai trò tiền tệ**

Thuần chất
(đồng chất)

Dễ dát mỏng, dễ
chia nhỏ

**Vàng có
tính chất tự
nhiên đặc
biệt thích
hợp với vai
trò tiền tệ**

– Không bị oxi hóa
(dễ bảo quản)

Với thể tích, trọng
lượng nhỏ nhưng có
giá trị cao

Nguồn gốc và bản chất của tiền (tiếp)

- ✓ Tiền ra đời là kết quả phát triển lâu dài của sản xuất và trao đổi
- ✓ Tiền là hàng hóa đặc biệt làm vật ngang giá chung cho tất cả các hàng hóa
- ✓ Tiền là quan hệ xã hội, biểu hiện QHXS giữa những người SX hàng hóa

Vì sao tiền là một hàng hóa đặc biệt?



The coins did not require any cleaning before being displayed, the Israeli Antiquities Authority said

2.3.2. Chức năng của tiền

Thước
đo giá
trị

Tại sao tiền được dùng làm thước đo giá trị của hàng hóa?

VÍ DỤ:

1 Con cừu = 3gr vàng

1 m vải = 0,1 gr vàng

Giá cả

Phương
tiện lưu
thông

Tiền làm môi giới cho việc trao đổi, mua bán hàng hóa

Tại sao tiền thực hiện chức năng phương tiện lưu thông lại bao hàm khả năng gây ra khủng hoảng?

2.3.2. Chức năng của tiền (tiếp)

Phương
tiện
cất trữ

Tiền rút khỏi lưu thông phải là tiền đủ giá trị
tiền vàng hoặc tiền bạc, vàng thỏi hoặc vàng
nén, đồ đồng bạc vàng hoặc bạc)

Khi nào thì tiền được đưa vào cất trữ?

Phương
tiện
thanh
toán

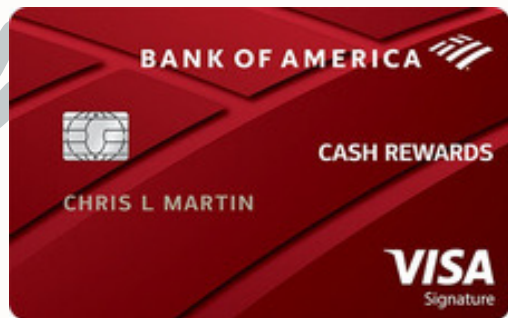
Tiền dùng để trả nợ, đóng thuế....

*Tại sao khi chức năng phương tiện thanh toán được thực
hiện rộng rãi thì khả năng khủng hoảng tăng lên?*

2.3.2. Chức năng của tiền (tiếp)

Tiền tệ
thế giới

Xuất hiện khi trao đổi hàng hóa vượt ra khỏi biên
giới quốc gia
- Là tiền đủ giá trị và tiền tín dụng quốc tế



2.3.3. Quy luật lưu thông tiền tệ và lạm phát

Lưu thông tiền tệ phải căn cứ trên yêu cầu của lưu thông hàng hóa, dịch vụ

Yêu cầu

Số lượng tiền cần thiết cho lưu thông phải thống nhất với lưu thông hàng hóa

Nguyên lý

$$M = \frac{P \cdot Q}{V}$$

V: là số vòng luân chuyển trung bình của một đơn vị tiền tệ

2.3.3. Quy luật lưu thông tiền tệ và lạm phát

Quy luật lưu thông tiền tệ

$$\begin{array}{c} \text{Số lượng} \\ \text{tiền tệ} \\ \text{cần thiết} \\ \text{trong lưu} \\ \text{thông} \end{array} = \frac{\begin{array}{c} \text{Tổng số giá} \\ \text{số giá} \\ \text{cả} \\ \text{hàng hóa} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Tổng số} \\ \text{giá cả} \\ \text{hàng hóa} \\ \text{bán chịu} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Tổng số} \\ \text{giá cả} \\ \text{hàng hóa} \\ \text{khấu trừ} \\ \text{cho nhau} \end{array} + \begin{array}{c} \text{Tổng số giá} \\ \text{cả hàng hóa} \\ \text{bán chịu đến} \\ \text{kỳ thanh} \\ \text{toán} \end{array}}{\text{Số lần chu chuyển trung bình của tiền tệ}}$$

Lạm phát

Lạm phát là gì? Nguyên nhân và hậu quả của lạm phát

- Kết luận:

- nguồn gốc của tiền: Tiền ra đời trong quá trình phát triển lâu dài của sản xuất và trao đổi hàng hóa.
- Bản chất của tiền: là một hàng hóa đặc biệt, đóng vai trò vật ngang giá chung, là sự thể hiện chung của giá trị và thể hiện mối quan hệ giữa những người sản xuất hàng hóa

2.4. THỊ TRƯỜNG

2.4.1. Khái niệm “Thị trường”

2.4.2 Các chức năng chủ yếu của thị trường

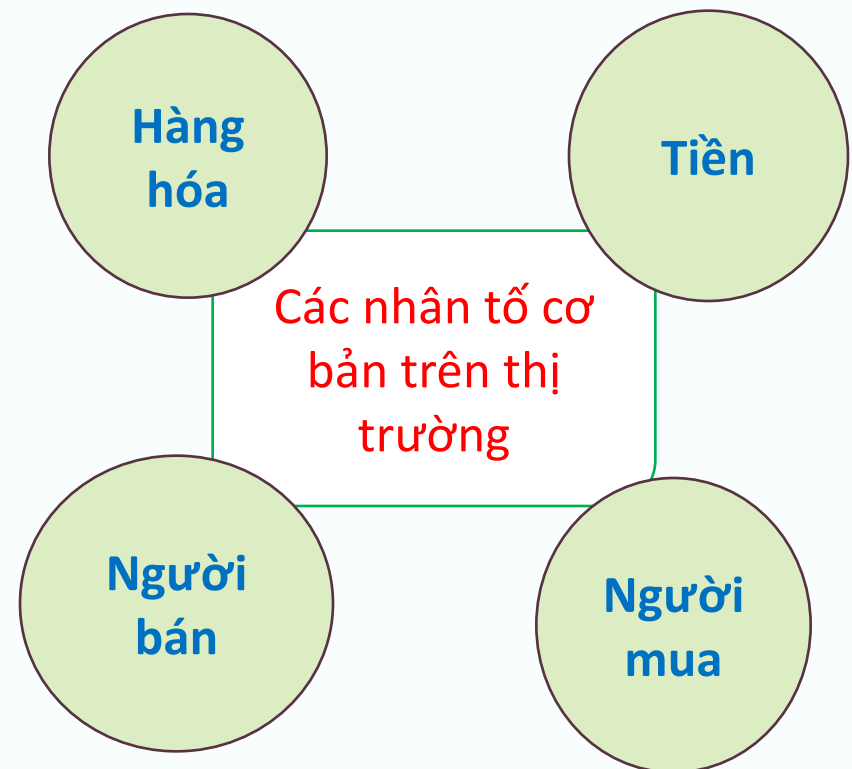
2.4.3. Quy luật cạnh tranh

2.4.4. Quy luật cung cầu

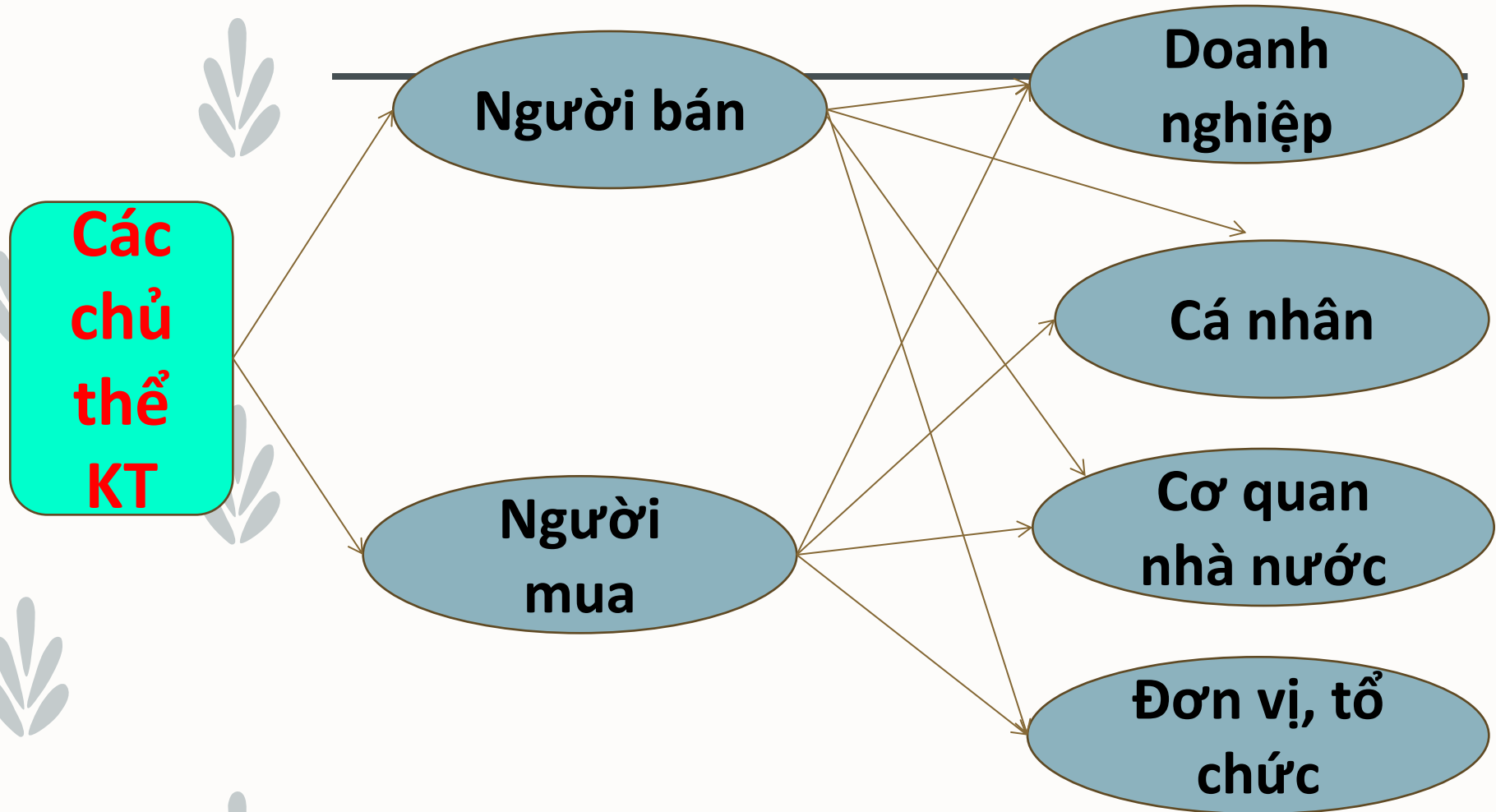
2.4.1. Thị trường

A market is a place where two parties can gather to facilitate the exchange of goods and services

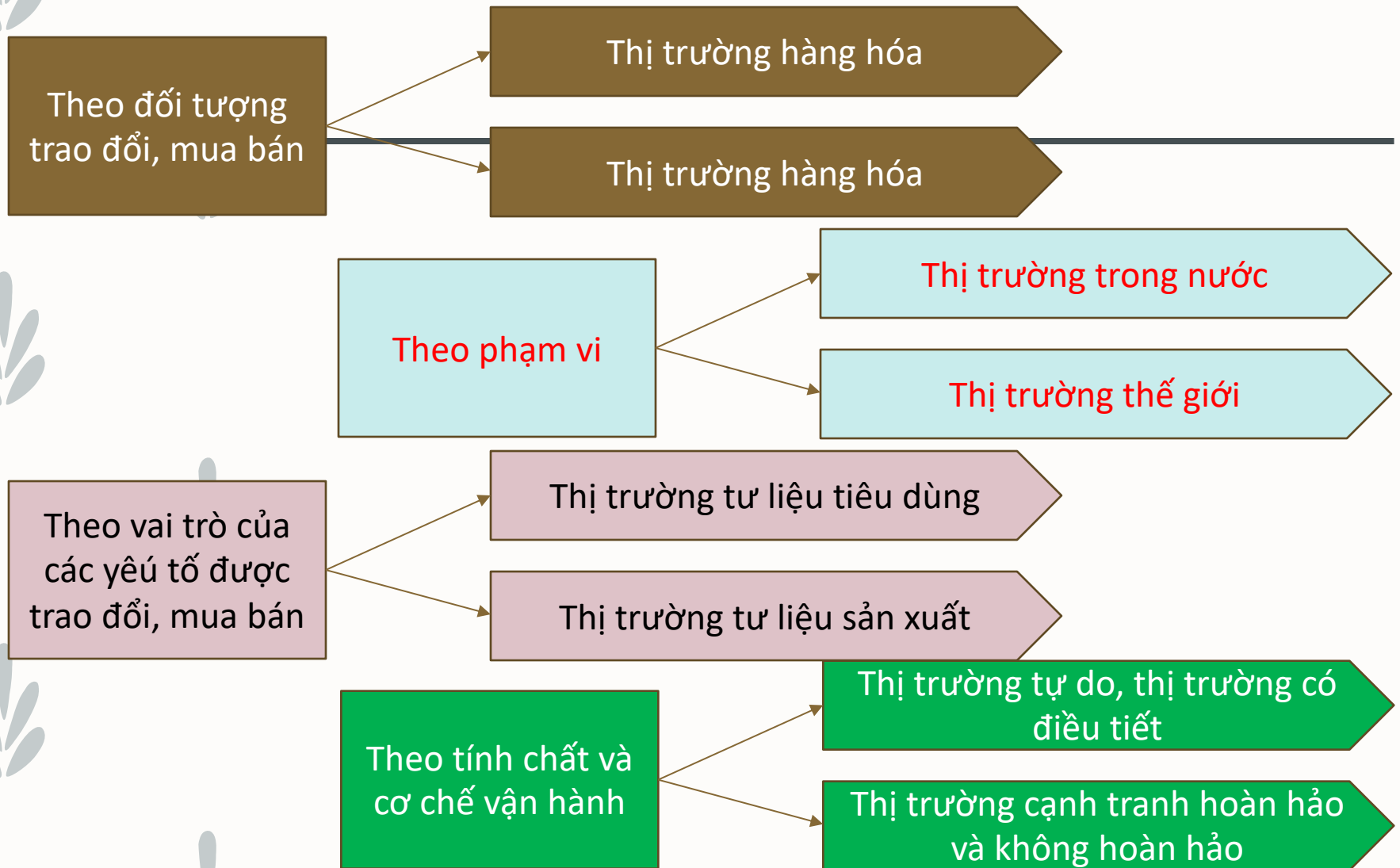
The parties involved are usually buyers and sellers



2.4.1. Thị trường



Phân loại thị trường



Thị trường có vai trò như nào?

- Là điều kiện cho môi trường SX phát triển
- Kích thích sự sáng tạo của mọi thành viên trong XH, tạo ra cách thức phân bổ nguồn lực hiệu quả KT. Thúc đẩy các quan hệ KT không ngừng PT
- Gắn kết nền KT thành một chỉnh thể, giữa KT quốc gia với nền KT thế giới

2.4.2. Các chức năng chủ yếu của thị trường



**Thực hiện
giá trị
hàng hóa**

**Cung cấp
thông tin**

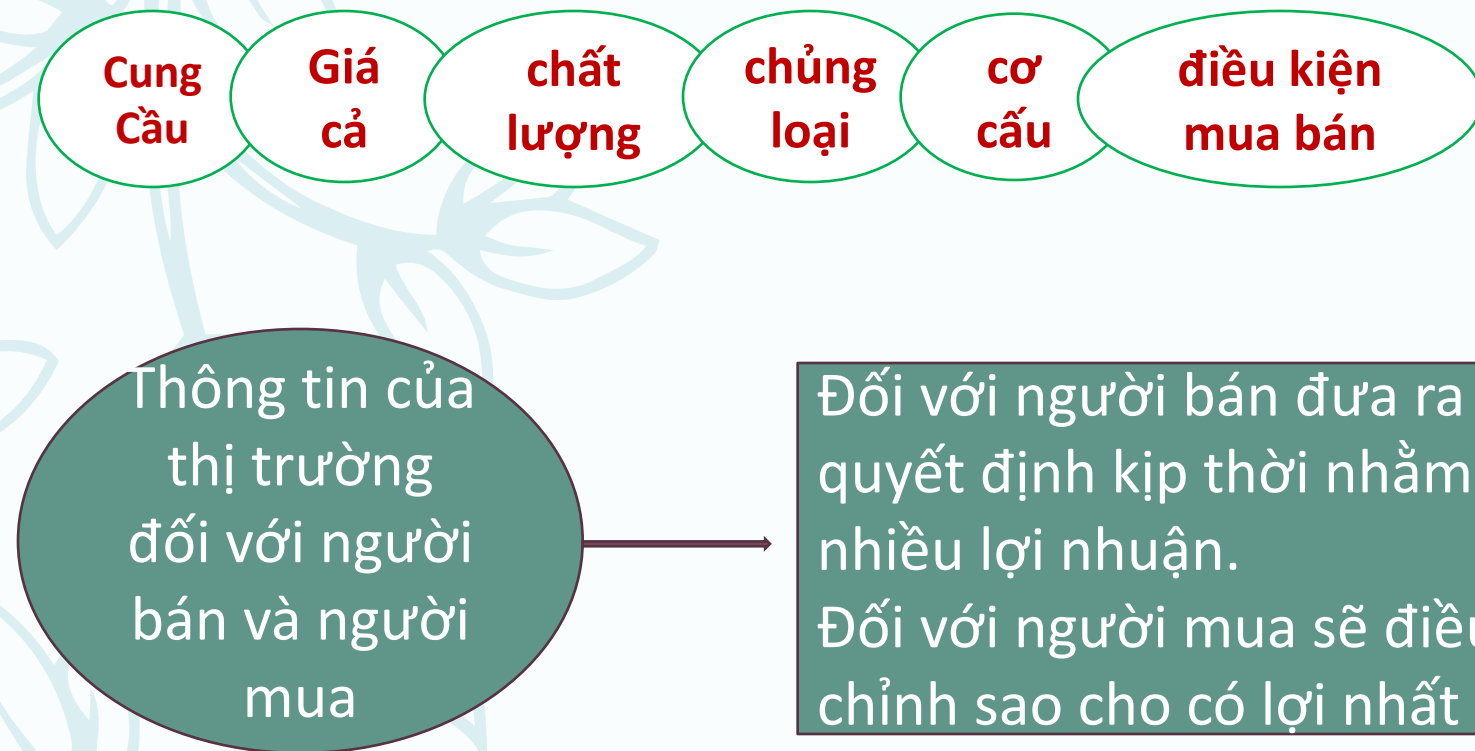
**Chức năng
điều tiết, kích
thích**

**Mở rộng
liên kết
KTXH**

* Thực hiện giá trị hàng hóa (thừa nhận):

Thị trường là nơi kiểm tra cùng về chủng loại, hình thức, mẫu mã, số lượng, chất lượng (VD xe máy honda)

* Chức năng thông tin:



**Chức năng
điều tiết,
kích thích**



Tăng lên hay giảm đi của giá cả đều gây ra sự tác động trái ngược nhau đến sản xuất hoặc tiêu dùng về một loại hàng hóa nào đó

VD: Thời trang (theo mùa)

- Trà sữa chân châu (nhu cầu giới trẻ)
- Tiệm trà tranh...

**Mở rộng
liên kết
KTXH giữa
các chủ thể
trên thị
trường**

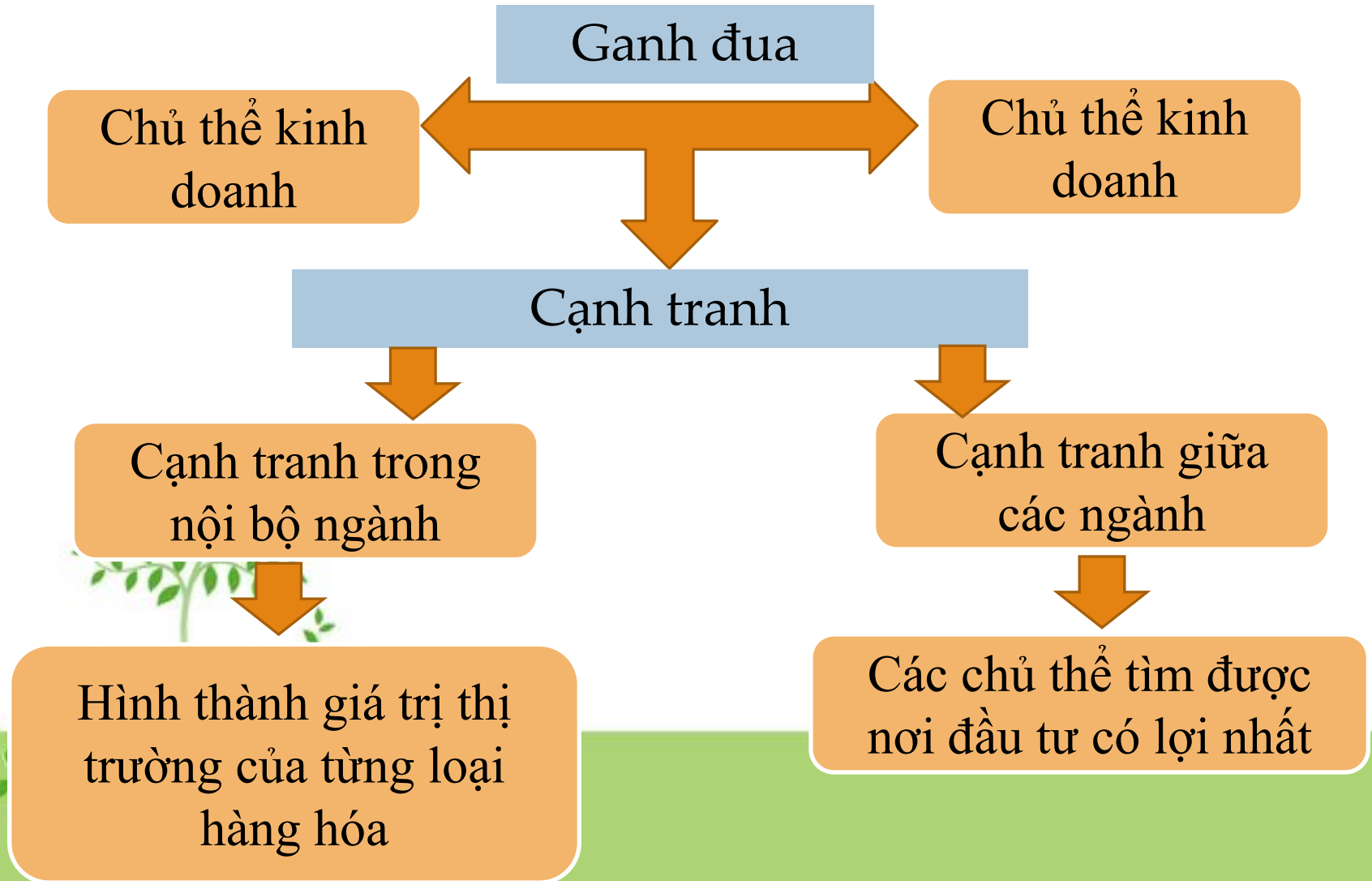


- Người SX tìm kiếm nguồn lực đầu vào giá rẻ, chất lượng...

- Người tiêu dùng tìm kiếm hàng hóa DV chất lượng tốt,...

=> Liên kết quốc gia và quốc tế

2.4.3. Quy luật cạnh tranh



Cạnh tranh có tác động như thế nào trong nền kinh tế thị trường?

Tích cực

Thúc đẩy sự phát triển của LLSX

Thúc đẩy sự phát triển của nền KTTT

Là cơ chế điều chỉnh linh hoạt phân bổ nguồn lực

Thúc đẩy năng lực thoả mãn nhu cầu XH

Tiêu cực

Cạnh tranh không lành mạnh gây tổn hại môi trường KD

Cạnh tranh không lành mạnh gây lãng phí nguồn lực

Cạnh tranh không lành mạnh gây tổn hại phúc lợi XH

2.4.4. Quy luật cung cầu

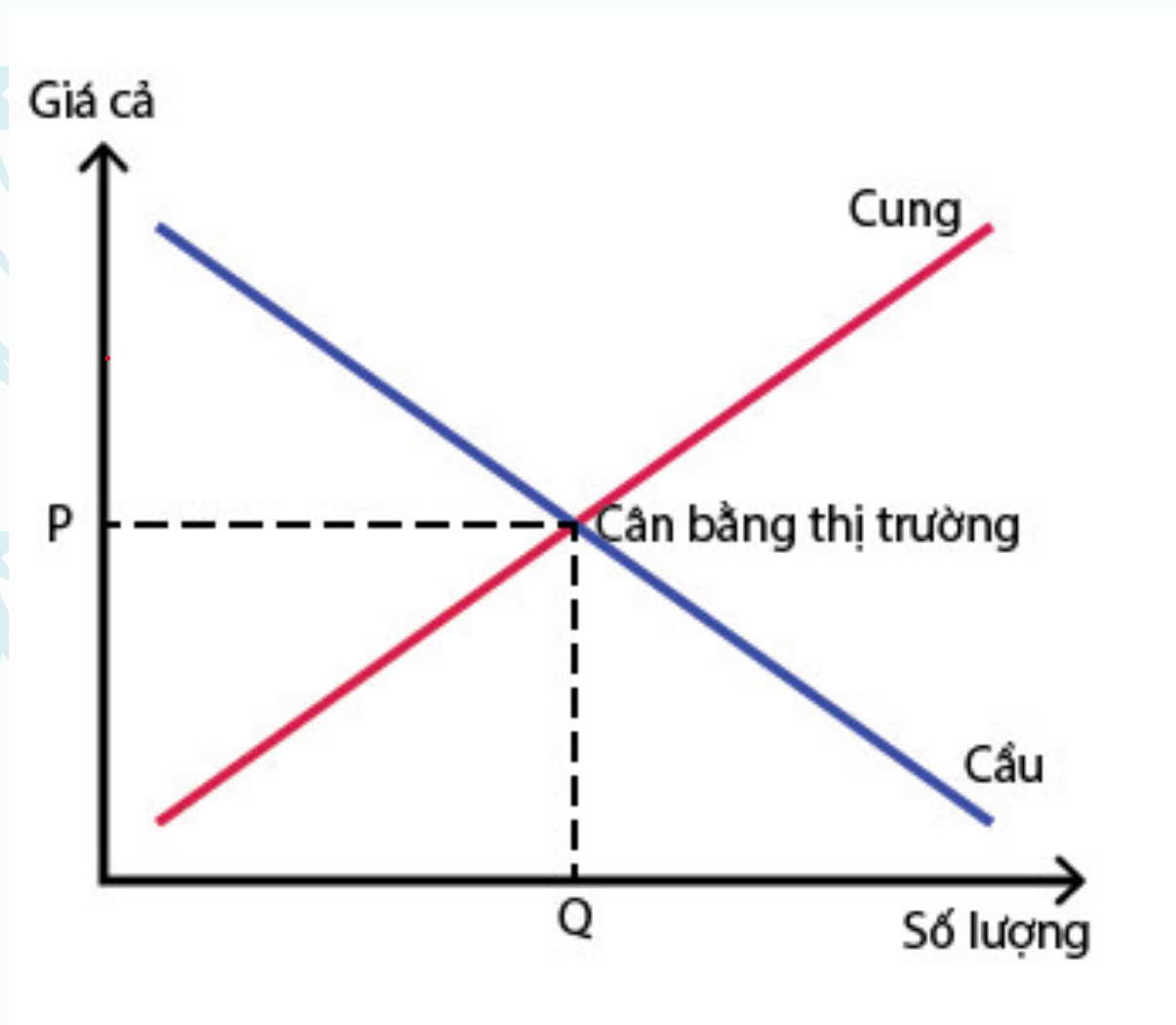
Nội
dung

Là quy luật kinh tế điều tiết quan hệ cung – cầu hàng hóa trên thị trường

Cung – cầu có mối quan hệ hữu cơ với nhau, tác động lẫn nhau và ảnh hưởng đến giá cả

Mối quan hệ giữa cung – cầu ảnh hưởng đến giá cả như nào?

Mối quan hệ giữa cung – cầu ảnh hưởng đến giá cả



2.4.4. Quy luật cung cầu

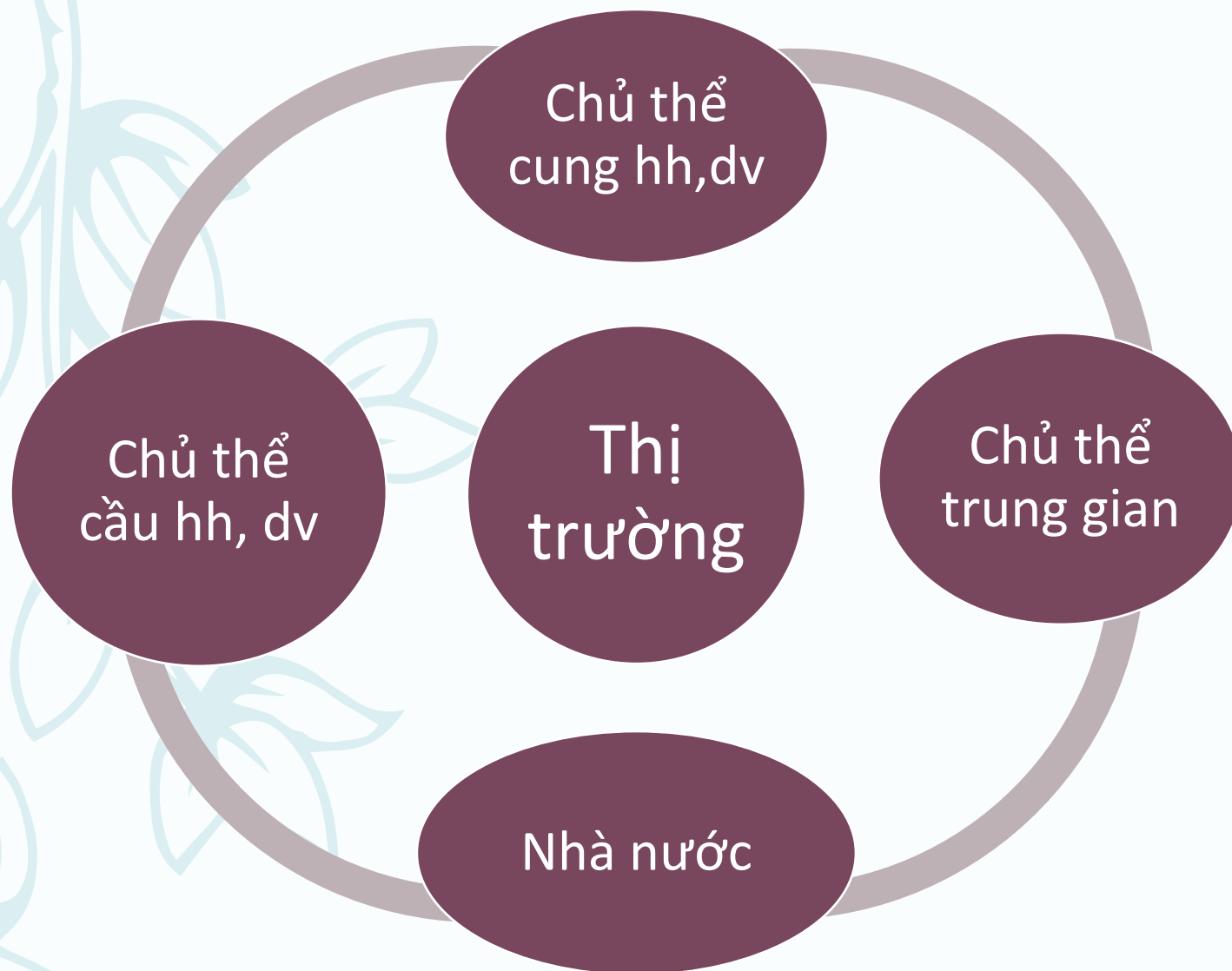
Tác
động

Điều tiết quan hệ giữa sản xuất và lưu thông hàng hóa

Quan hệ cung – cầu là căn cứ để dự đoán xu thế biến động của giá cả

Nhà nước vận dụng quy luật
cung – cầu như nào để tác động
đến hđ sxkd?

2.5. CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG



2.5.1. CHỦ THỂ CUNG HÀNG HÓA, DỊCH VỤ (người bán)

AI?

Là người trực tiếp tạo ra của cải vật chất,
sản phẩm cho xã hội

Làm gì?

Sử dụng các yếu tố đầu vào để sản xuất,
kinh doanh, thu lợi nhuận

Mục
đích

- Thỏa mãn nhu cầu của XH
- Đạt lợi nhuận tối đa trong điều kiện có hạn của nguồn lực

2.5.2. CHỦ THỂ CẦU HÀNG HÓA, DỊCH VỤ (người mua)

AI?

Là người mua hàng hóa, dịch vụ trên thị trường

Mục
đích

- Thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng
- Định hướng sản xuất

Vai trò

- Có trách nhiệm đối với sự phát triển bền vững của XH
- Định hướng sản xuất

2.5.3. CHỦ THỂ TRUNG GIAN TRONG TT

AI?

Là cá nhân, tổ chức đảm nhiệm vai trò cầu nối giữa các chủ thể sx, tiêu dùng hàng hóa, dv trên thị trường

Vai trò

- Kết nối, thông tin trong quan hệ mua, bán
- Làm KTTT trở nên sống động, linh hoạt
- Tăng cơ hội thực hiện giá trị của hàng hóa
- Thỏa mãn nhu cầu của người tiêu dùng

2.5.4. NHÀ NƯỚC

AI?

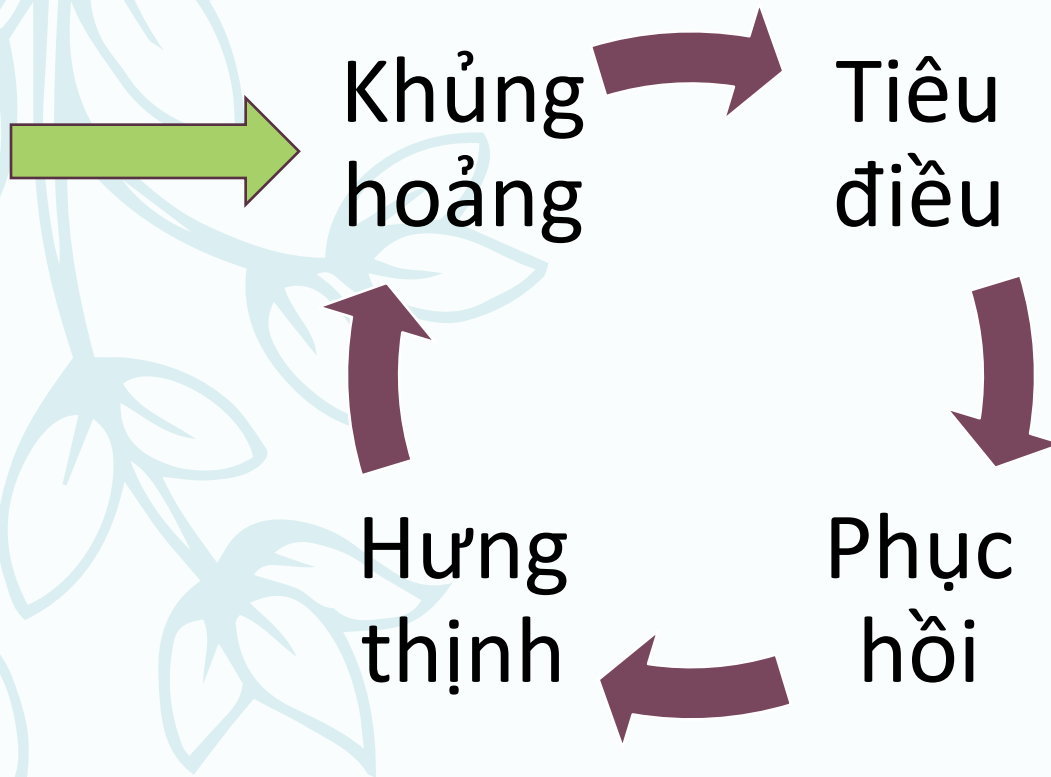
Chính phủ, cơ quan quản lý hành chính
Nhà nước (Bộ, cục, viện...)

Vai trò

- Tạo lập môi trường hoạt động cho các hđ kinh tế
 - Xây dựng kết cấu hạ tầng
- Hạn chế, khắc phục những khuyết tật của thị trường
- Định hướng, điều tiết sự phát triển của nền kinh tế
 - Kiểm tra, kiểm soát

2.6. CHU KỲ KINH TẾ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

CHU KỲ KINH TẾ VÀ CÁC GIAI ĐOẠN



2.6. CHU KỲ KINH TẾ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Chu kỳ kinh tế có tác động như nào đến phát triển KTXH?

Tác động tích cực

- Nguồn lực bị lãng phí hoặc khai thác quá mức
- Quy mô bị thu hẹp
- Hàng hóa bị đổ bỏ
- Thất nghiệp
- Nghèo đói
- ...

- Nâng cao trình độ SXXH
- Mở rộng quy mô
- Nâng cao hiệu quả sử dụng...

Tác động tiêu cực

2.7. NHỮNG KHUYẾT TẬT VÀ ƯU THẾ CỦA KTTT

Cơ chế thị trường và nền KTTT

Cơ chế
thị
trường

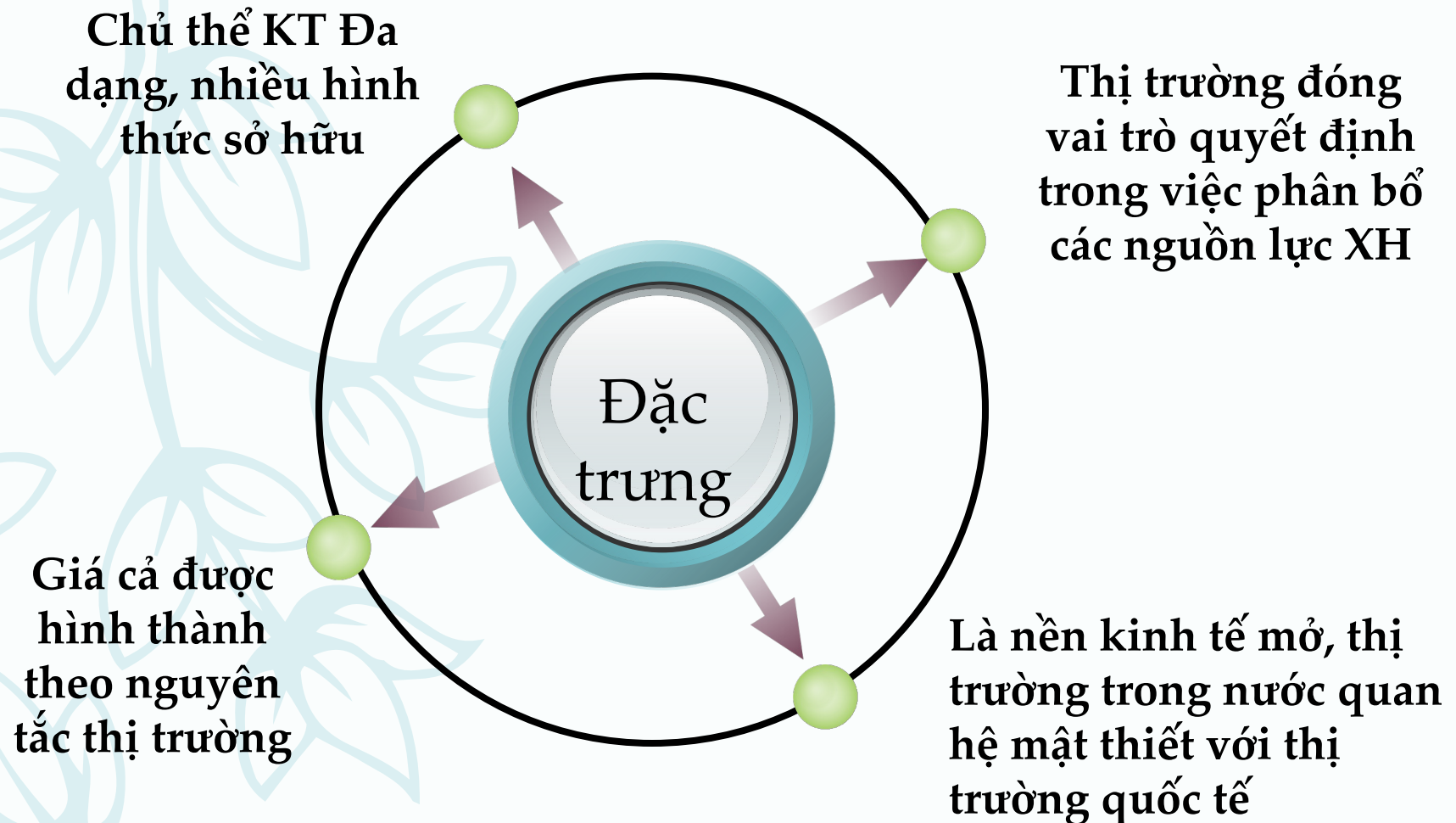
- Là hệ thống các quan hệ kinh tế, mang đặc tính tự điều chỉnh các cân đối của nền KT theo yêu cầu của các quy luật KT
- Là phương thức cơ bản để phân phối và sd các nguồn vốn, tài nguyên, công nghệ, sức lao động, thông tin, trí tuệ...

hình thành giá cả
tự do

Đặc
trưng

người bán, người mua thông
qua TT để xác định giá cả HH,
dịch vụ

Đặc trưng phổ biến của Nền kinh tế thị trường



2.7. NHỮNG KHUYẾT TẬT VÀ ƯU THẾ CỦA KTTT

Nền kinh tế thị trường có ưu thế gì?



Nền kinh tế TT (tiếp)

Khuyết tật của nền kinh tế thị trường là gì?

Phát triển không ổn định

Hiện tượng độc quyền

Các ngoại ứng

Các hàng hóa, dịch vụ công cộng

Sự thiếu hụt và sai lệch thông tin

Cạn kiệt nguồn tài nguyên và ô nhiễm môi trường

Các vấn đề xã hội

TÓM TẮT CHƯƠNG 2

Hàng hóa

Thuộc
tính của
Hàng hóa

Các quy
luật của
KTTT

Cơ chế
thị
trường

Kinh tế
thị
trường